

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 17-6-2019
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nước

Ông Huỳnh Văn Kha

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST- DS, ngày 25 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXX-ST ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Phước H, sinh năm 1989. Địa chỉ ấp GDài, xã HM Tây, huyện CNg, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Phước H:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1993. Địa chỉ số 99, kh2, ph1, thị xã VCh, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn C, sinh năm 1976

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp B, xã HTh, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn C:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp B, xã HTh, thị xã H, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Trần Văn Kh, sinh năm 1974. Địa chỉ số 68, khu dân cư BH, ấp 2, xã BH, huyện BCh, tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2019, đơn xin thay đổi ý kiến hòa giải tHnh ngày 02/4/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Phước H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Phước H là bà Lê Thị Thu H trình bày: Trong năm 2017 ông H thỏa thuận miệng bán cho bà C, ông C 37 tấn 460 kg thức ăn nuôi tôm, đơn giá theo thời vụ và thuốc thủy sản; tổng số tiền thức ăn và thuốc bằng 1.444.447.000 đồng. Trong năm 2017 bà C, ông C trả cho ông H được 1.055.927.000 đồng, còn nợ 388.520.000 đồng chuyển sang 2018 (chưa trừ chiết khấu) nếu tính tiền chiết khấu năm 2017 là số tiền bằng 224.528.000 đồng.

Trong năm 2018 ông H bán cho bà C, ông C 43 tấn, 440 kg thức ăn và thuốc; đơn giá theo thời vụ, tổng số tiền thức ăn và thuốc bằng 1.585.267.000 đồng. Trong năm 2018 bà C, ông C đã trả cho ông H được 620.000.000 đồng, còn nợ lại 965.267.000 đồng, cộng với số tiền 388.520.000 đồng nợ của 2017 là 1.353.787.000 đồng; nếu tính tiền chiết khấu năm 2018 là số tiền bằng 248.391.000 đồng.

Tổng cộng tiền chiết khấu năm 2017, 2018 bằng 472.919.000 đồng. Về thỏa thuận chiết khấu theo Điều 3 của hợp đồng đại lý thỏa thuận như sau: *“Nếu đến ngày 25/12/2018 mà bên bà C, ông C không trả được nợ thì mất hoàn toàn chiết khấu”*. Trong năm 2018, bà C, ông C không trả được số tiền 388.520.000 đồng công nợ năm 2017 chuyển sang nên bị mất hoàn toàn chiết khấu. Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Phước H là bà Lê Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, ông C hoàn trả cho ông H số tiền còn nợ 1.353.787.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 25/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm bằng 64.423.000 đồng, tổng cộng 1.418.210.000 đồng. Khi đã có bản án thì ông H sẽ không khấu trừ chiết khấu nữa và lãi suất sau khi có bản án yêu cầu tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/5/2019 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: bà C thừa nhận trong năm 2017 ông H đã giao cho vợ chồng bà 37 tấn 460kg thức ăn nuôi tôm với tổng số tiền thức ăn và thuốc bằng 1.444.447.000 đồng là đúng. Trong năm 2017, bà đã trả được 1.055.927.000 đồng, còn nợ lại 388.520.000 đồng chuyển sang 2018 (chưa trừ chiết khấu) và làm ăn năm 2017 không có ký hợp đồng bằng văn bản. Trong năm 2018 ông H có bán cho vợ chồng bà 43 tấn, 440kg thức ăn và thuốc; đơn giá theo thời vụ. Tổng số tiền thức ăn và thuốc là 1.585.267.000 đồng cộng với nợ cũ năm 2017 chuyển sang bằng 1.973.787.000 đồng. Trong năm 2018 bà đã trả được 620.000.000 đồng, còn nợ lại 1.353.787.000 đồng (chưa chiết khấu). Quá trình làm ăn chung, ông Huỳnh Văn Phúc làm công cho ông H có thỏa thuận miệng với bà là số tiền còn lại năm 2017 chuyển sang để đó, nếu bà trả hết số tiền này thì ông H sẽ trừ chiết khấu cho bà của số Hng hóa mua năm 2017. Qua năm 2018 bà có mua hàng của ông H cũng nhiều lần và có trả được 620.000.000 đồng, theo bà là số tiền 620.000.000 đồng đã trả có bao gồm số công nợ 2017 chuyển sang nên ông H phải trừ chiết khấu toàn bộ

năm 2017 cho bà mới đúng. Bị đơn bà C đề nghị bên ông H phải khấu trừ chiết khấu năm 2017 cho bà và bà C không đồng ý tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Kh có ý kiến và yêu cầu như nguyên đơn ông Huỳnh Phước H.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 14/5/2019 ông Huỳnh Văn Ph trình bày: Trong năm 2017 và năm 2018 ông biết chỗ đại lý ông H có bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho bà Nguyễn Thị C, ông Phan Văn C, nhưng khi nghỉ việc ông đã bàn giao cho đại lý ông H nên giờ không nắm được thông tin cụ thể. Theo ông nhớ, chiết khấu thức ăn cơ bản là 4.000 đồng/kg cộng với sản lượng 500 đồng/kg; thuốc chiết khấu 30%; điều kiện được chiết khấu trong năm phải thanh toán hết nợ mới được chiết khấu. Trường hợp của bà C, năm 2017 bà C thanh toán còn nợ khoảng hai trăm mười triệu đồng. Lúc đó bà Y phân phối (bộ phận văn phòng chỗ đại lý ông H, người đó tên Y ở đâu ông không biết nhưng cũng đã nghỉ làm) kết hợp với ông xuống thỏa thuận với bà C là khi nào bà C trả hết số tiền còn nợ năm 2017 chuyển sang sẽ được chiết khấu số lượng hàng hóa mua năm 2017. Còn năm 2018 thì ông và bà Y có cầm hợp đồng do ông H ký trước đem xuống cho bà C, ông C xem và thấy được nên bà C, ông C mới ký vào hợp đồng đại lý. Việc thỏa thuận chiết khấu cho bà C, ông C không có làm văn bản, ông không có ký bất kỳ giấy tờ gì giao cho bà C, ông C.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Việc ông H yêu cầu bà C, ông C hoàn trả số tiền 1.353.787.000 đồng tiền mua hàng hóa còn nợ là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, bà C thừa nhận số tiền còn nợ 1.353.787.000 đồng là đúng và phù hợp với sổ sách bà C đã ký xác nhận. Việc bà C đề nghị khấu trừ chiết khấu năm 2017 là không có cơ sở, vì theo hợp đồng ký kết thì đến thời gian ngày 25/12/2018 bà C không trả đủ công nợ 2017 sẽ mất hoàn toàn chiết khấu. Trong số tiền 620.000.000 đồng bà C trả trong năm 2018 là trả cho các đơn hàng ghi trong sổ mua hàng hóa năm 2018, bà C không chứng minh được số tiền 620.000.000 đồng bà C trả năm 2018 có bao gồm trả công nợ 2017. Do bà C vi phạm thời gian thanh toán nên ông H yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Tòa án chấp nhận;

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn Kh vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị C có lời khai thừa nhận năm 2017 ông Huỳnh Phước H có giao cho vợ chồng bà 37 tấn, 460kg thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản; tổng số tiền thức ăn, thuốc thủy sản 1.444.447.000 đồng. Nguyên đơn ông H xác nhận trong năm 2017 bà C đã trả cho ông H 1.055.927.000 đồng, còn nợ 388.520.000 đồng chuyển sang 2018 (chưa trừ chiết khấu). Việc mua bán giữa ông H với bà C, ông C năm 2017 không có ký hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận miệng.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị C cũng có lời khai thừa nhận năm 2018 ông Huỳnh Phước H có giao cho vợ chồng bà 43 tấn, 440kg thức ăn nuôi tôm, đơn giá theo thời vụ và thuốc thủy sản; tổng số tiền thức ăn và thuốc thủy sản 1.585.267.000 đồng. Trong năm 2018, bà C đã trả cho ông H được 620.000.000 đồng còn lại số tiền 1.353.787.000 đồng chưa thanh toán và chưa chiết khấu. Việc mua bán giữa ông H với bà C, ông C năm 2018 có ký hợp đồng đại lý ngày 06/02/2018.

[4] Việc mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản giữa ông H với bà C, ông C các bên không tranh chấp về số lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa.

[5] Về chiết khấu năm 2017: Hợp đồng đại lý ngày 06/02/2018 ký kết giữa ông H với bà C, ông C các bên thừa nhận ông H ký trước rồi ông Phúc (nhân viên của ông H) đem cho bà C, ông C xem đồng ý mới ký sau, các bên không trực tiếp thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng. Căn cứ quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là dạng hợp đồng mẫu gồm những điều khoản do một bên ông H đưa ra. Tại Điều 3 hợp đồng có ghi “xác nhận công nợ năm 2017 là 388.520.000 đồng” và đoạn cuối Điều 3 của hợp đồng ghi “*Trường hợp đến ngày 25/12/2018 bên B (tức bà C) không thanh toán dứt điểm công nợ cho bên A, thì bên B sẽ không được tính phần chiết khấu cuối năm*”. Trong năm 2018 bà C trả cho ông H 620.000.000 đồng, bà C cho rằng số tiền 620.000.000 đồng đã thanh toán cho ông H là có khoản công nợ 388.520.000 đồng của năm 2017 chuyển sang, nhưng bà C không chứng minh được số tiền 620.000.000 đồng bà C trả là của số tiền năm 2017, còn theo bà H thì số tiền 620.000.000 đồng bà C trả là của những đơn hàng bà C mua trong năm 2018, ông C có ký trả tiền dưới sổ sách các lần nhận hàng năm 2018 mà không phải trả riêng của số công nợ 2017. Đối với công nợ 2017, hợp đồng có thỏa thuận cho bà C thời gian trả đến ngày 25/12/2018 nhưng đến hạn bà C vẫn không trả được công nợ và cả phần nợ mới phát sinh năm 2018 sau khi trừ ra số tiền 620.000.000 đồng nên mới có tranh chấp. Do bà C không chứng minh được số tiền 620.000.000 đồng bà C trả năm 2018 có bao gồm trả công nợ 2017 nên việc bà C yêu cầu được trừ chiết khấu năm 2017 với số tiền 224.528.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Theo lời khai bà H, bà C thì thời gian thỏa thuận thanh toán tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản là sau khi kết thúc một năm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thanh toán mà bên mua bà C, ông C không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ

trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, bà H yêu cầu bà C và ông C có nghĩa vụ trả tiền mua hàng hóa cho ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Hợp đồng đại lý ngày 06/02/2018 giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất khi có vi phạm. Do đó, việc ông H yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận, cụ thể: Tổng số tiền tranh chấp 1.353.787.000 đồng x 10%/năm x 5 tháng 22 ngày = 64.423.000 đồng.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu 36.000.000 đồng + 3% (18.546.300 đồng) giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phước H ủy quyền cho bà Lê Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn C hoàn trả cho ông H số tiền còn nợ 1.353.787.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 25/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm bằng 64.423.000 đồng;

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn C có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Phước H 1.418.210.000 (Một tỷ bốn trăm mười tám triệu hai trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, Hng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn C phải chịu 54.546.300 đồng án phí dân sự. Nguyên đơn ông Huỳnh Phước H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Huỳnh Phước H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.306.805 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019587 ngày 14/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn Kh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Truyền

HỘI THẨM

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Kha- Trần Văn Nước

Nguyễn Văn Truyền

